

Bản án số: 189/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29 -11-2019

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hoàng Thành

Ông Dương Tuấn Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Phạm Lan Chi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Hữu T, sinh năm 1974 (có yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã NM, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 23/9/2019 ông Trương Hữu T trình bày:*

Ông T và bà T tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông T và bà T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống và thường cãi nhau nên ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2010 đến nay. Do đó, ông T yêu cầu không công nhận ông T và bà T là vợ chồng.

Thời gian chung sống, ông T và bà T có 01 con chung tên Trương Huy Th, sinh ngày 28/5/2007. Do con chung bà T nuôi dạy nên ông T thống nhất giao cho bà T tiếp tục nuôi dạy. Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Ông T và bà T tự thỏa thuận, nợ chung không có nên ông T không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1] Ông Trương Hữu T khởi kiện đối với bị đơn là bà Phan Thị T. Do ông T và bà T chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Bà T có nơi cư trú tại ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tổng đạt hợp lệ cho bà T nhưng bà T không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của ông T và vắng mặt tại phiên họp và hòa giải không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho bà T nhưng bà T vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với ông Trương Hữu T có yêu cầu xin vắng mặt tại vụ án và trực tiếp nộp tại Tòa án vào ngày 30/10/2019 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Ông T và bà T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006 có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn và có xác nhận tình trạng hôn nhân vào ngày 20/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện đăng

ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Trương Hữu T và bà Phan Thị T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống, ông T và bà T có 01 người con chung tên Trương Huy Th, sinh ngày 28/5/2007 (giới tính nam). Xét thấy, việc ông T tự nguyện giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dạy là cơ sở. Bởi vì, cháu Th hiện bà T trực tiếp nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu Thuật. Hơn nữa, tại tờ tự khai ngày 27/9/2019 cháu Th có yêu cầu và nguyện vọng được sống với bà T; Do cháu Th đã trên 07 tuổi nên yêu cầu và nguyện vọng của cháu Th là phù hợp và được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần tiếp tục giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa T niên. Tuy nhiên, Tòa án có thông báo thụ lý đối với yêu cầu của ông T cho bà T biết nhưng bà T không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của ông T. Đồng thời, bà T vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con tại vụ án.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định thời gian chung sống ông bà có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận xong; nợ chung không có nên không có yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trương Hữu T phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 14, 53, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với ông Trương Hữu T và bà Phan Thị T.

2. Về hôn nhân: Không công nhận ông Trương Hữu T và bà Phan Thị T là vợ chồng.

3. Về con chung: Giao con chung tên Trương Huy Th, sinh ngày 28/5/2007 (giới tính nam) cho bà Phan Thị T tiếp tục nuôi dạy. Ông Trương Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng ông có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

4. Về tài sản chung: Ông Trương Hữu T và bà Phan Thị T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xét.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trương Hữu T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 23 tháng 9 năm 2019 ông T có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0010715 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình nay được chuyển thu án phí.

7. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

- VKSND huyện Thới Bình;

- THADS huyện Thới Bình;

- TAND tỉnh Cà Mau;

- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang